

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HSST
Ngày 29 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Cương

2. Ông Lò Văn Thôn

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn D - Sinh ngày 11/7/1987; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản P, xã N, huyện S, Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Xinh Mun; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Con ông Lò Văn H, con bà Lò Thị H; Bị cáo chưa có vợ, có 01 con 11 tuổi với Lương Thị K ở bản Đ, xã Đ; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giữ, giam từ ngày 31/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Tòng Văn L - Sinh ngày 22/11/1990; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản P, xã M, huyện S, Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Con ông Tòng Văn D, con bà Lò Thị O; Bị cáo không có vợ, hiện nay đang sống chung như vợ chồng với chị Lò Thị V, có 03 con, lớn nhất 08, nhỏ nhất 02 (02 con có với chị Tòng Thị N, 01 con có với chị Lò Thị V); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 31/8/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20h00 ngày 31/8/2017 tổ công tác đồn Công an Mường Lầm, Sông Mã làm nhiệm vụ tại khu vực bản Lồm Hỏm, xã Mường Lầm bắt quả tang Lò Văn D ở bản P, xã N, huyện S và Tòng Văn L ở bản P, xã M, huyện S đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: Thu của D một gói ni lon màu hồng chứa ba viên nén hình tròn màu hồng nghi là Hồng phiến, một gói ni lon màu trắng chứa chất bột màu trắng nghi là Heroin và số tiền 1.600.000đ; Thu của L một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen BKS 26B2-146.21, một điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 856.000đ. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định và chuyển hồ sơ, đối tượng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 01/9/2017 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh, xác định trọng lượng vật chứng, trích mẫu giám định. Kết quả cân tịnh 03 viên nén màu hồng nghi là Hồng phiến có trọng lượng 0,31 gam ký hiệu D1, số bột trắng nghi là Heroin có trọng lượng 0,1gam ký hiệu D2. Đã dùng toàn bộ vật chứng làm mẫu gửi giám định.(BL số 15 - 16).

Tại kết luận giám định số 865/KLMT ngày 06/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “ Mẫu gửi giám định ký hiệu D1 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,31gam.

Mẫu gửi giám định ký hiệu D2 là chất ma túy; Loại chất Heroin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,1gam ” .

Tại cơ quan điều tra Lò Văn D và Tòng Văn L khai nhận:

Lò Văn D với Tòng Văn L là bạn và đang cùng đi làm thuê tại bản Mường Nưa, xã Mường Lầm, Sông Mã; Sáng ngày 31/8/2017 do được nghỉ làm, nên L và D về nhà L, sau đó L rủ thêm bạn là Lường Văn H ở bản H, xã M đến nhà L ăn cơm, uống rượu. Do cả ba cùng sử dụng ma túy nên khoảng 16h cùng ngày D rủ H và L đi lên bản Nà Sèo, xã Nậm Ty tìm mua ma túy sử dụng. L mang theo số tiền 906.000đ, đi xe mô tô BKS 26B1-146.21 của gia đình L chở D ngồi sau, D mang theo số tiền 1.750.000đ, còn H đi xe của H và không có tiền. Khi đến bản Nà Sèo, D, L và H vào nhà một người đàn ông dân tộc Mông ở khu vực gần đầu bản tên là C khoảng 45 tuổi để hỏi mua ma túy sử dụng; D hỏi mua và đưa cho C 150.000đ để mua bốn viên Hồng phiến, L đưa cho C 50.000đ để mua Heroin. Sau khi nhận tiền Cg đưa lại cho D một gói ni lon bên trong có 04 viên Hồng phiến và một gói nilon bên trong chứa Heroin, D và L cùng xác định đây là số ma túy mua được từ số tiền của D và L. Sau khi đã bán ma túy cho D và L, C cho thêm D và L một lượng nhỏ Heroin để trong mảnh

giấy bạc, D bỏ ra một viên Hồng phiến trộn với số Heroin có sẵn ở giấy bạc để cả D, L, H thay nhau sử dụng bằng hình thức đốt hít qua đường hô hấp. Do say rượu nên H chỉ sử dụng hai lần sau lên giường nằm ngủ. Đối với D và L sau khi sử dụng ma túy xong, D gói chung gói Heroin vào cùng với ba viên Hồng phiến còn lại bằng mảnh túi ni lon rồi cho vào khoang miệng ngậm, việc D ngậm gói ma túy trong miệng L biết và hiểu ý mang về để cùng nhau sử dụng. D và L gọi H dậy để đi về, khi L chở D đi về trước đến khu vực bản Lồm Hỏm, xã Nậm Ty thì bị tổ công tác đồn Công an Mường Lầm bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 147/KSĐT - MT ngày 29 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lò Văn D và Tòng Văn L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt Lò Văn D từ 20 - 24 tháng tù, Tòng Văn L từ 18 - 22 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy vật chứng liên quan; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe máy; trả lại cho bị cáo Lò Văn D 1.600.000đ, trả lại cho bị cáo Tòng Văn L số tiền 856.000đ và chiếc điện thoại di động.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc Tòa án đưa các bị cáo ra xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là không oan, sai; tuy nhiên các bị cáo đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các thành viên của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện - Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang lập vào hồi 20h05 ngày 31/8/2017; phù hợp với vật chứng bị thu; phù hợp với 865/KLMT ngày 06/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo cũng khẳng định số ma túy bị thu giữ chỉ với mục đích để sử dụng, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lò Văn D và Tòng Văn L là bạn cùng chơi với nhau và đều sử dụng chất ma túy, chiều ngày 31/8/2017 D rủ L và H đi lên bản Nà Sèo, Nậm Ty để mua ma túy sử dụng. Tại đây, D mua bốn viên Hồng phiến giá 150.000đ, L mua một gói Heroin giá 50.000đ của một người đàn ông dân tộc Mông; sau đó D, L, H cùng sử dụng luôn một viên Hồng phiến và một lượng Heroin, số ma túy còn lại D gói lại cất giấu trong khoang miệng, ngồi sau xe mô tô của L đi về, khi về đến bản Lốm Hỏm, xã Mường Lầm thì bị tổ công tác Đoàn Công an Mường Lầm làm nhiệm vụ bắt quả tang. Số ma túy đã thu gồm 03 viên Hồng phiến, loại chất Methamphetamine có tổng trọng lượng là 0,31gam và 01 gói chất bột, loại chất Heroin có trọng lượng là 0,1gam.

Hành vi tàng trữ 0,31gam Methamphetamine và 0,1gam Heroin nhằm mục đích để sử dụng của Lò Văn D và Tòng Văn L đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ

quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với việc làm của bản thân - áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Trong vụ án này Lò Văn D là người có vai trò chính và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo Tòng Văn L là đồng phạm, áp dụng Điều 53 BLHS cho bị cáo Tòng Văn L.

[4] Về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015: Thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng tại điểm b, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 quy định : “ Các điều khoản của Bộ luật hình sự 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích ”.

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành ”.

Căn cứ các quy định nêu trên, so sánh quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thấy:

Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định về hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Như vậy khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội - Cần xem xét áp dụng quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho các bị cáo; Tuy nhiên cũng cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trọng

lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ, vai trò của các bị cáo để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương. Bị cáo là người nghiện ma túy nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: “ Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm ”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên Cơ quan điều tra đã làm rõ các bị cáo đều chưa có vợ, nhưng đều có con còn nhỏ, gia đình đều có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 phong bì , 01 túi ni lon màu trắng và 02 mảnh túi ni lon màu hồng cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ, đen BKS 26B2 - 146.21, kèm chìa khóa xe là xe thuộc sở hữu của Tòng Văn L, là phương tiện thực hiện tội phạm cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; đối với 01 chiếc điện thoại di động và số tiền 856.000đ thu giữ của Tòng Văn L do không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho Tòng Văn L; Đối với số tiền 1.600.000đ thu giữ của Lò Văn D do không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho Lò Văn D.

[7] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với người_người đàn ông dân tộc Mông tên C ở bản N, xã N, huyện S. Quá trình điều tra, xác minh tại bản N, xã N có một người tên Hồ Súa C, sinh năm 1974, nhưng không có mặt tại địa phương. Tiến hành cho D và L nhận dạng qua ảnh, xác định Hồ Súa C không phải là người đã bán ma túy cho D và L, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để xử lý.

Đối với Lương Văn H là người đi cùng và sử dụng ma túy với D và L. Quá trình điều tra xác định, H không góp tiền mua ma túy cùng với D và L, H cũng không biết D và L có mang theo ma túy. Khi tổ công tác bắt quả tang D và L, H một mình đi xe mô tô phía sau, không có hành vi giúp sức D và L. Nên cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không xử lý là có căn cứ. UBND xã Mường Lầm, Sông Mã có Quyết định số 82/QĐ - UBND ngày 31/8/2017 đưa Lương Văn H vào Cơ sở Điều trị nghiện ma túy huyện Sông Mã để hỗ trợ cắt cơn cai nghiện, thời hạn 10 ngày.

[8] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện hộ gia đình bị cáo Tòng Văn L là hộ cận nghèo, nên theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì

thuộc trường hợp được miễn tiền án phí, do vậy cần miễn khoản tiền án phí hình sự cho bị cáo Tòng Văn L. Bị cáo Lò Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn D, Tòng Văn L phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lò Văn D 20 (hai mươi) tháng tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, giam là ngày 31/08/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Tòng Văn L 18 (mười tám) tháng tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, giam là ngày 31/08/2017.

2- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì thư một đầu có vết cắt ngang.

+ 01 (một) túi nilon màu trắng.

+ 02 (hai) mảnh nilon màu hồng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) xe máy hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ, đen, biển kiểm soát 26B2 - 14621, số khung 216609, số máy 5C6J2166.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn D số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng)

- Trả lại cho bị cáo Tòng Văn L số tiền 856.000đ (tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu cam đã cũ, màn hình bị vỡ, số IMEI 355768062507069

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2017 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã).

3- Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm đ Điều 12, các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Lò Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp khoản tiền án phí cho bị cáo Tòng Văn L

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 29/12/2017 ./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn